

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW);

Căn cứ Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị tại địa phương,

Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) *Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW*: bảo đảm toàn đảng bộ và hệ thống chính trị của Thành phố nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò tầm quan trọng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH-CN, ĐMST và CDS), gắn với sự phát triển của Thành phố và quốc gia trong kỷ nguyên mới; cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương thành các mục tiêu, quy hoạch, chiến lược, đề án cụ thể, phù hợp với điều kiện của Thành phố. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu thực hiện; tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

b) *Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao*: Giúp cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân có nhận thức đúng đắn, tạo sự

đồng thuận trong triển khai; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

c) *Phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thành phố*: Xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển KH-CN, ĐMST và CDS dựa trên lợi thế; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

d) *Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*: xây dựng, hoàn thiện và phát triển chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp bền vững, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, ... phù hợp với thực tiễn Thành phố.

đ) *Góp phần vào phát triển bền vững, hiện đại hóa đất nước*: thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động để Thành phố có đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội; bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

2. Yêu cầu

a) *Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW*: nội dung triển khai phải thống nhất với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chương trình, kế hoạch, quy định, hướng dẫn, của Trung ương. Đồng thời, phải phù hợp với tình hình phát triển thực tiễn của Thành phố.

b) *Quán triệt sâu sắc, kế thừa và phát huy các kết quả, kinh nghiệm*: Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của KH-CN, ĐMST và CDS trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; Kế thừa có chọn lọc các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai thực hiện.

c) *Xác định đúng phương thức, không hình thức, không dàn trải*: Xác định thể chế, cơ chế, chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của KH-CN, ĐMST; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Rà soát, phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của Thành phố trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển KH-CN, ĐMST và CDS có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, hiệu ứng lan tỏa lớn.

d) *Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể*: Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phải rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của Thành phố nhằm thúc đẩy phát triển KH-CN, ĐMST và CDS như các ngành công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á và thế giới.

đ) Bảo đảm tính khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể: các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn thực hiện (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn); nêu cụ thể đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp. Phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

e) Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược theo từng giai đoạn 5 năm: Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể (theo tháng, quý, năm, giai đoạn); có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế.

g) Đồng bộ, phối hợp chặt chẽ, liên thông trong toàn hệ thống chính trị: Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa Trung ương với địa phương, giữa các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các sở, ban, ngành và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế, tránh chồng chéo, trùng lặp. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển KH-CN, ĐMST và CDS. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng.

h) Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo kịp thời: Thiết lập chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội; coi trọng vai trò giám sát của Ban Thường vụ Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội; báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương kịp thời đối với các hoạt động quan trọng và kết quả tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ 01 tháng/lần; phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ; can thiệp bằng các chính sách (trong thẩm quyền) để đưa ra các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch đặt ra.

i) Bảo đảm công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình: Xác định rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Thông tin, dữ liệu, quyết định liên quan đến KH-CN, ĐMST và CDS cần được công khai tối đa; từng cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp việc huy động xã hội hóa trong đầu tư KH-CN, ĐMST và CDS (đặc biệt là các mô hình kết hợp công - tư, công - công, quỹ đầu tư, ...); sử dụng hiệu quả, tiết

kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách Nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

k) Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài: Vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách (cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng số, nâng cao chất lượng dịch vụ công,...) vừa có tầm nhìn dài hạn (đến 2030, 2035, 2040, 2045) trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; căn gắn Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với Chiến lược dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ, phát triển bứt phá, toàn diện, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình cụ thể. Cơ quan quản lý nhà nước về KH-CN, ĐMST và CDS của Thành phố giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy; tăng cường phối hợp với các cấp, ngành, địa phương để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước phù hợp với yêu cầu thực tiễn, giải quyết những vấn đề bức xúc, cấp bách, tạo sự chuyển biến trong tình hình mới.

l) Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy tính sáng tạo của toàn xã hội: Phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu.

m) Tập trung, quyết liệt, hiệu quả, tiết kiệm, khả thi: Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW một cách quyết liệt, đồng bộ, thống nhất; mọi giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao; không dàn trải, hình thức và theo phong trào.

n) Đảm bảo tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo: Chủ động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của Thành phố; khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế Thành phố thông qua đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH-CN, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP của Thành phố.

b) Thúc đẩy hoạt động ĐMST, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, từng bước hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ trung tâm nghiên cứu

- phát triển với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

c) Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

d) Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

đ) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

Nhằm thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu chung trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ban Thường vụ Thành ủy xác định các mục tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện theo 5 giai đoạn (đến hết năm 2025; đến hết năm 2030; đến hết năm 2035; đến hết năm 2040; đến hết năm 2045); tập trung thực hiện các mục tiêu về:

- (1) Phát triển hạ tầng.
- (2) Phát triển nguồn lực.
- (3) Phát triển khoa học và công nghệ.
- (4) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.
- (5) Phát triển chuyển đổi số.

(Chi tiết tại Phụ lục Các mục tiêu cụ thể thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Kien toan Ban Chi dao phat trien khoa hoc, cong nghe, doi moi sang tao va chuyen doi so Thanh uy, dong chi Bi thư Thành ủy Thành phố là Trưởng Ban, Văn phòng Thành ủy là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo; thành lập Tiểu Ban triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Tiểu ban thực hiện Đề án 204 của Ban Bí thư và Tổ giúp việc của Ban

Chỉ đạo; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp đảm bảo tối thiểu tỉ lệ đề ra của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ngành, cấp cơ sở, ...

- Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Thành lập Hội đồng tư vấn cấp thành phố, mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia vào Hội đồng tư vấn để tham mưu cho Ban Chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

- Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các sở, ban, ngành; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn để nâng cao nhận thức, quyết tâm về vấn đề phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Thiết lập đội tuyên truyền triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Thành phố nhằm đảm bảo hoạt động tuyên truyền được thống nhất, có chiều sâu. Chủ động mời chuyên gia, nhà khoa học có kinh nghiệm thực tế về KH-CN, ĐMST và CDS tham gia chia sẻ, trao đổi.

- Nội dung quán triệt, tuyên truyền cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với thực tiễn của Thành phố.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về KH-CN, ĐMST và CDS dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá

- Người đứng đầu cấp ủy cơ quan, sở, ngành, địa phương phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai và chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hành động cụ thể. Kế hoạch hành động cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045 (Tập trung các chỉ tiêu về số lượng đề

tài, dự án ứng dụng KH&CN; doanh nghiệp KH&CN; sáng kiến; tỉ lệ đóng góp của TFP, PII; dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ dân số có tài khoản định danh điện tử; số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số; các lĩnh vực chủ yếu như sản xuất, dịch vụ, quản lý nhà nước, y tế, giáo dục, giao thông,...).

- Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, ...), lượng hóa, cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ để theo dõi và đánh giá hiệu quả triển khai.

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

- Người đứng đầu cấp ủy cơ quan, sở, ngành, địa phương phải đưa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; tích cực đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, địa phương.

- Kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm của cán bộ, công chức.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Huy động các cơ quan báo chí của địa phương, Cổng thông tin điện tử Thành phố, trang thông tin các sở, ban ngành để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội...).

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...) về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

- Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình

tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.
- Kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục các hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức trên không gian mạng.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

3.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...) thuộc thẩm quyền của Thành phố hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Xây dựng quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố giai đoạn 2025 - 2045: đồng bộ với quy hoạch của Thành phố tầm nhìn tới năm 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

3.3. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội về cơ chế đột phá để đầu tư mạnh mẽ vào xây dựng các Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, mở rộng các phòng thí nghiệm mở và phát triển hạ tầng số. Đồng thời, đẩy mạnh thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước; Tạo điều kiện thuận lợi để các chuyên gia quốc tế tham gia vào các dự án nghiên cứu lớn, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ và chuyển đổi số của Thành phố, tập trung vào 05 nhóm cơ chế, chính sách trong lĩnh vực như: Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT); Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phát triển các nhóm ngành dịch vụ về tài chính, logistic, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, ...; Công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, y tế và môi trường; Công nghệ vật liệu mới và tự động hóa, vi mạch, bán dẫn; Công nghệ năng lượng tái tạo và bền vững, cụ thể: (1) Cơ chế hoạt động tự chủ và cơ chế tài chính bền vững cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập trọng điểm của Thành phố (về cơ sở vật chất

kỹ thuật, nguồn nhân lực, hợp tác, ...) nhằm tạo nền tảng vững chắc, động lực thúc đẩy các tổ chức khoa học và công nghệ (viết tắt là KH&CN) phát triển mạnh mẽ đúng với vai trò hạt nhân của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đồng thời nâng cao vai trò “bà đỡ” của Nhà nước trong mô hình 3 nhà: trường, viện - doanh nghiệp và Nhà nước; (2) Cơ chế tài chính đầu tư và hỗ trợ tài chính phù hợp thông lệ quốc tế triển khai nhiệm vụ KH&CN (đột phá từ mô hình tài chính, mô hình quản lý nhiệm vụ KH&CN, mô hình hợp tác, triển khai ứng dụng; chấp nhận rủi ro) để đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội, đặc biệt là từ khu vực doanh nghiệp đầu tư cho phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu phát triển, và cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; (3) Chính sách hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH&CN, tài sản trí tuệ; (4) Hoàn thiện đồng bộ hành lang pháp lý cùng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo để phát triển mô hình đô thị sáng tạo là động lực phát triển mới cho Thành phố; (5) Xây dựng cơ chế, chính sách, ưu đãi tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về KH-CN, ĐMST và CDS, đặc biệt là thu hút chuyên gia về làm việc, sinh sống tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

3.4. Tạo cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ:

- Sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; tạo cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Xây dựng các khu vực, các không gian sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, để thử nghiệm các mô hình kinh doanh, công nghệ mới;

- Xây dựng Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, cơ chế thí điểm hỗ trợ người sử dụng gắn với kết quả nghiên cứu công nghệ mới, vật liệu mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan nhằm tạo dựng một môi trường minh bạch, cạnh tranh, không có rào cản đối với các ý tưởng đổi mới sáng tạo.

3.5. Xây dựng và hình thành các quỹ: quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện). Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, công - công, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

3.6. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực,

3.7. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Thành phố; xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở tại Thành phố. Khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao thông qua các chính sách ưu đãi thuế, tài chính, hỗ trợ về đất đai và cơ sở hạ tầng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên đầu tư, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số.

3.8. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động KH-CN, ĐMST và CDS đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

3.9. Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến 2045, trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển KH-CN, ĐMST và CDS theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

3.10. Cho phép thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước: Hình thành các Quỹ đầu tư mạo hiểm và chính sách tương ứng (vốn vào ra, vận hành, thoái vốn, cơ chế chia sẻ lợi ích,...) cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ (nếu đủ điều kiện). Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số của Thành phố. Xây dựng các mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là các dự án ứng dụng công nghệ mới, hỗ trợ doanh nghiệp trong các lĩnh vực nghiên cứu và phát triển sản phẩm sáng tạo; hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ để hình thành và phát triển các Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn

quốc tế (tương tự cơ chế áp dụng đối với Thủ đô Hà Nội quy định tại Luật Thủ đô 2024).

4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng dịch vụ số

4.1. Xây dựng các chương trình về Chuyển đổi số Thành phố từng giai đoạn 5 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045

- Chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng.

- Lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số và quy hoạch tổng thể của Thành phố.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...), có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, 6G, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa; tăng dung lượng kênh truyền trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cho cơ quan Đảng, nhà nước; tăng dung lượng kênh truyền internet cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước.

- Thiết lập trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao; phối hợp xây dựng trung tâm dữ liệu vùng; có cơ chế phát triển, khai thác các trung tâm dữ liệu được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách; ưu tiên khai thác, sử dụng hạ tầng dữ liệu do Trung ương đầu tư đối với các dữ liệu trọng yếu của Thành phố.

- Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở theo từng giai đoạn; xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành; cung cấp dữ liệu mở theo từng lĩnh vực theo kế hoạch.

- Tập trung các hoạt động chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước; tăng dần hàm lượng hoạt động của cơ quan nhà nước dựa trên dữ liệu; thường xuyên rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số, thúc đẩy cải cách hành chính; tăng tỷ lệ liên thông dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, nhà nước, các đơn vị sự nghiệp giữa các cấp; phát triển hàm lượng và tần suất cung cấp dữ liệu cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế từ nguồn dữ liệu cơ quan nhà nước để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tăng tỷ lệ giao tiếp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, tổ chức và người dân thông qua môi trường số, từng bước thiết lập công cụ để doanh nghiệp, tổ chức và người dân tham gia vào hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố.

- Thiết lập và phát triển hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động thu thập, lưu trữ, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu theo mô hình trung tâm điều hành thông minh, triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) nhằm từng bước tăng cường thông tin, dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cơ quan Đảng, nhà nước, xử lý phản ánh thông tin từ doanh nghiệp, tổ chức và công dân theo thời gian thực.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...); triển khai chương trình đo lường, xác định chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp để thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp; triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo chương trình của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực của Thành phố; áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, Blockchain cho các sản phẩm trong Thành phố. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu; đồng thời thiết lập cổng thông tin, sàn thương mại điện tử của Thành phố để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức, thông tin về sản phẩm, hàng hóa, công nghệ bằng các hình thức trực tiếp, trực tuyến.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn Thành phố đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Thành phố, ưu tiên doanh nghiệp có hàm lượng công nghệ số cao trong vận hành, sản xuất, nhất là doanh nghiệp có hàm lượng kinh tế cao như doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp bán dẫn.

- Phát triển hạ tầng di động và Internet ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa; tăng thông lượng và tiêu dùng băng rộng trên địa bàn để phát triển xã hội số và góp phần tăng trưởng tổng thu ngân sách theo địa bàn. Phát triển thanh toán số, tổ chức mô hình chợ trực tuyến theo từng địa bàn để thúc đẩy kinh tế số; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số nhằm gia tăng giao dịch số và an toàn an ninh trong giao dịch của người dân; triển khai thường xuyên mô hình “bình dân học vụ số”, nâng cao kỹ năng số cho người dân thông qua mô hình MOOCs; chú trọng thực hiện chiến lược “học tập suốt đời”

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn Thành phố, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số. Thiết lập các công cụ thu thập dữ liệu từ các nguồn, thực hiện phân tích, chuẩn hóa, lưu trữ, dán nhãn dữ liệu, là cơ sở để sử dụng các công nghệ

về dữ liệu, phục vụ hoạt động hoạch định chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số, phát triển các nền tảng số phục vụ thương mại, phục vụ cộng đồng. Xây dựng công bố danh mục các hạng mục, dự án cần đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

- Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo. Đầu tư hạ tầng tính toán hiệu năng cao Thành phố phục vụ triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ chính quyền số và đô thị thông minh. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4.2. Đưa nội dung, chỉ tiêu về chuyển đổi số vào văn kiện Đại hội Đảng trong từng giai đoạn, thực hiện tại cấp Thành phố và cấp cơ sở; xây dựng Kế hoạch thực hiện theo nhóm lĩnh vực, thực hiện tại từng cấp, từng ngành; thực hiện trên các nhóm lĩnh vực chính gồm phát triển hạ tầng số; chính quyền số; kinh tế số và xã hội số; dữ liệu số; đảm bảo an toàn, an ninh mạng; phát triển nông thôn thông minh; y tế thông minh; giáo dục thông minh; ... phát triển ứng dụng các công nghệ mới như IoT, AI, Blockchain, Big Data, GIS ... trong các ngành, lĩnh vực.

5. Xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

5.1. Chiến lược hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của Thành phố

- Hình thành và phát triển các trung tâm nghiên cứu - phát triển, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo trong các trường đại học, cao đẳng; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu để hình thành các vườn ươm khởi nghiệp, vườn ươm công nghệ.

- Tạo điều kiện kết nối trung tâm nghiên cứu, phát triển - trường - doanh nghiệp; kết nối hệ thống các phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất và đời sống; thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

- Xây dựng các chương trình ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo định kỳ.

5.2. Chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

- Xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao.

- Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn, chuyên gia tư vấn ...

- Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cổ vốn cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

5.3. Chiến lược nâng cao năng lực nghiên cứu

- Ưu tiên đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, ...).

- Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

5.4. Chiến lược đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong khu vực công

Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo; Tăng cường năng lực và kỹ năng cho cán bộ; Ứng dụng công nghệ và dữ liệu mở; Đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ để tạo không gian cho sáng tạo; Hợp tác với startup để triển khai giải pháp sáng tạo trong cung cấp dịch vụ công.

6. Xây dựng chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tầm nhìn đến năm 2045

6.1. Chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao

- Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động số 49-CTrHĐ/TU của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

- Xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng kỹ năng số, sáng tạo cho đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ sư, chuyên gia công nghệ thông tin, tạo ra nguồn nhân lực đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghệ cao và chuyển đổi số; Các chương trình đào tạo phải được cập nhật, gắn liền với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, chú trọng phát triển kỹ năng số, kỹ năng sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khả năng áp dụng công nghệ tiên tiến vào các ngành nghề.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp

STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM/ STEAM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM/STEAM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

- Xây dựng các chương trình khuyến khích, trao thưởng, tài trợ cho các cá nhân và nhóm nghiên cứu có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; có chính sách hỗ trợ các không gian làm việc chung, các hội thảo, sự kiện đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện để các nhà khoa học, kỹ sư và chuyên gia trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có cơ hội giao lưu, học hỏi và hợp tác quốc tế.

- Nghiên cứu phát triển các nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố. Nghiên cứu sớm đưa vào giảng dạy nội dung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ thiết kế vi mạch - bán dẫn, kỹ thuật và công nghệ then chốt.

- Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

6.2. Chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng lý luận chính trị cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập, ...

6.3. Chiến lược đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của địa phương, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển KH-CN, ĐMST và CDS, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn lực này sau khi về nước. Đầu tư cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin hướng tới tổ chức các sản phẩm làm trực tuyến, giúp tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho người lao động.

6.4. Chiến lược tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,...

- Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

- Mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

6.5. Chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

6.6. Chiến lược thu hút nhân tài, chuyên gia

- Triển khai có hiệu quả các chính sách thu hút, đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội¹ nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “tổng công trình sư” trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo, vi mạch - bán dẫn và đào tạo nguồn nhân lực. Tiếp tục rà soát, tham mưu theo thẩm quyền của Thành phố việc ban hành, thí điểm các cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người tài tham gia cùng Thành phố để giải quyết những vấn đề khó khăn, phức tạp, cấp bách, ... theo từng vụ việc; thí điểm cơ chế phối hợp và triển khai hiệu quả mô hình “04 nhà” (nhà trường, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà nước).

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển, ...), cơ chế

¹ Hoặc văn bản sửa đổi/bổ sung/thay thế Nghị quyết số 98/2023/QH15

giao nhiệm vụ KH&CN trung hạn, dài hạn để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc tại Thành phố. Đồng thời, tạo cơ chế phát huy và trọng dụng các chuyên gia, nhà khoa học trình độ cao đang có trong hệ thống.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người địa phương ở trong và ngoài nước, kết nối trí thức phục vụ địa phương.

7. Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số cấp thành phố

7.1. Chiến lược 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Thành phố và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các CSDL dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại Thành phố, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Sử dụng các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương đầu tư.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa Thành phố với Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

7.2. Chiến lược 5 năm triển khai các nền tảng số

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; xây dựng Trung tâm điều hành thông minh thành phố, kết nối đến cấp xã tùy điều kiện.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, Logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường, ...

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại Thành phố, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

7.3. Xây dựng chiến lược 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, Blockchain trong nông nghiệp, chế biến...

- Nâng cấp công thông tin, sàn thương mại điện tử cấp thành phố hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thành phố, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ thành phố đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại thành phố.

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi để phát huy nguồn lực nội tại của các Doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp lớn) đầu tư phát triển hoạt động R&D nhiệm vụ cho sự phát triển của doanh nghiệp và xã hội.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Thành lập hoặc nâng cấp Trung tâm An ninh mạng Thành phố.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố.

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.

- Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.

- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng:

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ

Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin "Made in Việt Nam".

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

9.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo. Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với thực tế của thành phố, đặc biệt trong việc xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy các sáng kiến hợp tác giữa các cơ quan chính phủ và các doanh nghiệp quốc tế trong việc triển khai các dự án đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.

- Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước có trình độ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phát triển, đặc biệt là trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ vi mạch - bán dẫn, công nghệ sinh học, vật liệu tiên tiến, ...

- Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước để đào tạo, trao đổi kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ. Thúc đẩy hợp tác với các trung tâm khoa học và công nghệ hàng đầu thế giới như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ...; tổ chức các hội nghị, triển lãm quốc tế và xây dựng mạng lưới kết nối giữa doanh nghiệp khởi nghiệp, nhà khoa học và các tổ chức quốc tế.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, chính sách xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn của thế giới đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại thành phố.
- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.
- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Ký kết các thỏa thuận hợp tác. Triển khai các dự án hợp tác cụ thể.
- Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào địa phương.
- Khuyến khích các doanh nghiệp của địa phương hợp tác với các đối tác nước ngoài.
- Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.
- Ký kết hợp tác với các tổ chức phi chính phủ về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo để thu hút nguồn lực chuyên gia và nguồn lực về vốn để thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy, hệ thống chính trị các cấp trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển KH-CN, ĐMST và CDS quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ KH-CN, ĐMST và CDS. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển KH-CN, ĐMST và CDS.
- Tuyên truyền về kết quả kiểm tra, giám sát của cấp ủy, hệ thống chính trị các cấp về phát triển KH-CN, ĐMST và CDS vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trên địa bàn Thành phố.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy

- Chỉ đạo, định hướng chung: Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ đạo Thành phố, các ban đảng, các cấp ủy tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động; định kỳ nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề nổi bật, khó khăn, vướng mắc liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư.

- Cho ý kiến chỉ đạo các vấn đề quan trọng; điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho KH-CN, ĐMST và CDS.

- Chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

2. Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh

- Lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị tại địa phương triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành các chiến lược thực hiện, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả Kế hoạch hành động.

- Kịp thời tham mưu, báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Thành ủy cho ý kiến về các chính sách, giải pháp thúc đẩy KH-CN, ĐMST và CDS khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện hàng năm hoặc đột xuất các sở, ban, ngành, đơn vị, phường, xã để chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (03 tháng, 06 tháng, 01 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện:

- Xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: Phát triển chính quyền số, hạ tầng số, dữ liệu số, kinh tế số, xã hội số; ứng dụng KH-CN, ĐMST trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục,... phát triển KH-CN, ĐMST và CDS;

phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo Thành phố về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển KH-CN, ĐMST và CDS; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo về kết quả triển khai thực hiện, các khó khăn, vướng mắc về Ban Chỉ đạo Thành phố để kịp thời cho ý kiến chỉ đạo giải quyết.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị, ... triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; kịp thời xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực: nghiên cứu, đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo Thành phố và Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch hành động nếu thấy cần thiết.

4. Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố

4.1. Lãnh đạo Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách, quy định về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để triển khai thực hiện trên địa bàn Thành phố; tăng cường công tác giám sát thực hiện, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, chú trọng giám sát vai trò người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4.2. Lãnh đạo, chỉ đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và Ban Thường vụ Thành Đoàn

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập đến Ban Chỉ đạo Thành phố).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

5. Các cấp ủy đảng trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù địa phương, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung; tiếp tục, tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...).

- Định kỳ báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo Thành phố; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các ban đảng cấp trên tiến hành; tổ chức sơ kết, tổng kết ở cấp cơ sở (định kỳ 03 tháng, 06 tháng, 01 năm) đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

6. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy

- Văn phòng Thành ủy (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo): kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí nhân sự có trình độ năng lực về KH-CN, ĐMST và CDS thực hiện công tác này; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chiến lược đột phá phát triển KH-CN, ĐMST và CDS trên địa bàn Thành phố theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 2045, trình Ban Chỉ đạo Thành phố ban hành; phối hợp với Văn phòng Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo Thành phố; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

- Ban Tổ chức Thành ủy: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển KH-CN, ĐMST và CDS; nghiên cứu, đề xuất Ban Thường vụ Thành ủy chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp; tham mưu kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển KH-CN, ĐMST và CDS trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tiểu Ban triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Tiểu ban thực hiện Đề án 204 của Ban Bí thư để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng

Nghị quyết số 57-NQ/TW; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí, mạng xã hội; chủ trì, phối hợp với Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội tuyên truyền, quán triệt trong đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân.

- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy căn cứ chương trình kiểm tra, giám sát phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

- Ban Nội chính Thành ủy căn chức năng, nhiệm vụ theo dõi, đánh giá tình hình triển khai thực hiện, nghiên cứu, đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

7. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Định kỳ tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm các cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể báo cáo Ban Chỉ đạo Thành phố về kết quả thực hiện Kế hoạch hành động để tổng hợp, báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy và Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố và Văn phòng Thành ủy thường xuyên theo dõi, chủ động thực hiện cập nhật thông tin báo cáo trên Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 204 của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu trên Hệ thống, đảm bảo đúng tiến độ; Văn phòng Thành ủy (Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo thành phố) thực hiện việc phê duyệt các báo cáo trên Hệ thống sau khi các đơn vị có liên quan hoàn thành việc cập nhật thông tin báo cáo, đảm bảo thời gian theo quy định để gửi Văn phòng Trung ương Đảng.

- Hằng năm, Ban Chỉ đạo Thành phố tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn Thành phố; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

V. HIỆU LỰC THI HÀNH

Kế hoạch hành động này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Chương trình hành động số 63-CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thành

ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; những nhiệm vụ nào đã triển khai theo Chương trình hành động số 63-CTrHD/TU thì tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch hành động này

Nơi nhận:

- Thường trực Ban bí thư (để b/c),
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Văn phòng Chính phủ,
- Đảng ủy Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ địa phương và cơ quan thường trực các cơ quan đảng tại Thành phố Hồ Chí Minh,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Các ban Thành ủy, UBKT Thành ủy, MTTQ Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị xã hội Thành phố và BTV Thành đoàn,
- Các Sở, ban, ngành thành phố,
- Các quận ủy, huyện ủy, Thành ủy Thủ Đức, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy,
- Văn phòng Thành ủy: Lãnh đạo, P.TH/Hưng,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thanh Nghị

PHỤ LỤC

BẢNG MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA THÀNH PHỐ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ THEO TỪNG GIAI ĐOẠN THỜI GIAN THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 459-KH/TU ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy)

STT	Chỉ tiêu/Giai đoạn	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045
1) Phát triển hạ tầng						
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G	$\geq 60\%$	100%	-		
2	Tỷ lệ phủ sóng 6G	-	-	Đạt 50%	Đạt 80%	Đạt 100%
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	Có $\geq 60\%$	100%	-	-	-
4	Trung tâm an ninh mạng cấp Thành phố giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Có (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin)	Duy trì hoạt động hiệu quả	Duy trì hoạt động hiệu quả	Duy trì hoạt động hiệu quả	Duy trì hoạt động hiệu quả
2) Phát triển nguồn lực						
1	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương	$\geq 1,5\%$	$\geq 2\%$	$\geq 2,5\%$	$\geq 3\%$	$\geq 3,5\%$

	cho KH-CN, ĐMST					
2	Tỷ lệ chi cho KH-CN, ĐMST và CDS trên GRDP	Đạt 2%	Đạt 3%	Đạt 3%	Đạt 3%	Đạt 3%
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	$\geq 80\%$	100%	100%	-	-
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức Thành phố được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	-	-	-	-
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành	80%	100%	100%	-	-
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số (y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông)	80%	90%	95%	97%	99%

7	Tỷ lệ người thực hiện công tác nghiên cứu KH, phát triển CN, ĐMST trên 01 vạn dân	≥ 10 người	≥ 15 người	≥ 25 người	≥ 33 người	≥ 54 người
8	Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu	-	-	-	Hình thành “cụm chuyên gia”.	Hình thành “cụm chuyên gia”
9	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...)	-	-	-	80%	$\geq 90\%$
10	Vị thế về KH, CN, ĐMST, CDS	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao khu vực Đông Nam Á	-	- Thành phố Hồ Chí Minh phát triển KH, CN, ĐMST, CDS ngang tầm Châu Á - Địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu

						đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu.
11	Thu nhập bình quân đầu người	-	-	-	-	Cao nhất cả nước
3) Phát triển khoa học, công nghệ						
1	Tỷ lệ đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế	-	Ở mức trên 55%	-	-	Ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương
2	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo tiệm cận trình độ quốc tế (CoE) trong các lĩnh vực trọng tâm	-	Hình thành ít nhất 05 trung tâm	-	-	Có ít nhất 05 trung tâm đạt chuẩn quốc tế
3	Số lượng cán bộ nghiên cứu KH&CN toàn Thành phố	≥ 1.000	≥ 1.100	≥ 1.400	≥ 2.000	≥ 3.000

4	Số lượng doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn	≥ 60	≥ 120	≥ 200	≥ 300 (trong đó $\geq 10\%$ doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực)	≥ 450
5	Số lượng tổ chức KH&CN công lập trực thuộc Thành phố	≥ 10	≥ 12	≥ 12	≥ 12	≥ 12
6	Số lượng công trình KH&CN cấp thành phố được nghiệm thu (Mỗi năm)	≥ 20	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 160
7	Số lượng nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố triển khai (Mỗi năm)	≥ 30	≥ 50	≥ 80	≥ 120	≥ 160
8	Tỷ lệ kết quả KH&CN được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 75\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$

9	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích của chủ thể tại Thành phố (Mỗi năm)	≥ 30	≥ 60	≥ 100	≥ 150	≥ 250
10	Phần đầu có Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất, kinh doanh	$\geq 10\%$	$\geq 25\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$
11	Số lượng bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại Thành phố được đăng trên hệ thống Scopus/ISI (Mỗi năm)	≥ 2.000	≥ 3.500	≥ 4.000	≥ 4.500	≥ 5.000
12	Số lượng công trình đạt giải thưởng KH&CN cấp quốc gia/khu vực (Mỗi năm)	≥ 01	≥ 03	≥ 05	≥ 8	≥ 10

13	Làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ số	-	-	Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân	-	-
14	Ứng dụng công nghệ hiện đại	Ứng dụng AI, IoT, Big Data, GIS... trong quản lý môi trường (đo quan trắc môi trường, quản lý đất đai, ...), đô thị thông minh (IOC, Hệ thống camera thông minh, ...), y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử, đề án y tế thông minh, ...), giáo dục (đào tạo AI cho học sinh các cấp, giáo	Ứng dụng AI, IoT, Big Data, GIS... trong quản lý môi trường (đo quan trắc môi trường, quản lý đất đai, ...), đô thị thông minh (IOC, Hệ thống camera thông minh, ...), y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử, đề án y tế thông minh, ...), giáo dục (đào tạo	Ứng dụng AI, IoT, Big Data, GIS... trong quản lý môi trường (đo quan trắc môi trường, quản lý đất đai, ...), đô thị thông minh (IOC, Hệ thống camera thông minh, ...), y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử, đề án y tế thông minh, ...), giáo dục (đào tạo AI cho học sinh các cấp, giáo	Ứng dụng AI, IoT, Big Data, GIS... trong quản lý môi trường (đo quan trắc môi trường, quản lý đất đai, ...), đô thị thông minh (IOC, Hệ thống camera thông minh, ...), y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử, đề án y tế thông	- Là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học,...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi. - Ứng dụng AI, IoT, Big Data, GIS ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông

		dục thông minh, ...); nâng cao chất lượng sống người dân (app công dân số, ...)	AI cho học sinh các cấp, giáo dục thông minh, ...); nâng cao chất lượng sống người dân (app công dân số, ...)	dục thông minh, ...); nâng cao chất lượng sống người dân (app công dân số, ...)	minh, ...), giáo dục (đào tạo AI cho học sinh các cấp, giáo dục thông minh, ...); nâng cao chất lượng sống người dân (app công dân số, ...)	minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công. - Vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giám phát thải, sử dụng năng lượng xanh.
15	Trung tâm R&D trọng điểm thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	-	-	-	Có 15 - 20 trung tâm	-
16	Trung tâm R&D hoặc ĐMST của thành phố đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế	-	-	-	Có 07 – 10 trung tâm	-
4) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo						
1	Vị thế hệ sinh thái ĐMST của Thành phố	-	-	-	-	Phân đầu tiệm cận nhóm 50 đô thị dẫn đầu trên thế giới

2	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	≥ 100	≥ 300	≥ 500	≥ 700	≥ 1.000
3	Số lượng dự án khởi nghiệp sáng tạo (Mỗi năm)	-	-	-	≥ 400	≥ 500
4	Số lượng vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo	≥ 10	≥ 20	≥ 25	≥ 30	≥ 35
5	Tỷ lệ doanh nghiệp đổi mới quy trình, cải tiến mô hình kinh doanh.	$\geq 15\%$ (được hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng, đổi mới quy trình, cải tiến mô hình kinh doanh, chuyển đổi số)	$\geq 30\%$	$\geq 50\%$	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$
6	Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa (Mỗi năm)	≥ 20	≥ 60	≥ 150	≥ 300	≥ 500
7	Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố (Mỗi năm)	≥ 50	≥ 300	≥ 350	≥ 400	≥ 450

8	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại Thành phố (Mỗi năm)	≥ 10	≥ 20	≥ 50	≥ 100	≥ 200
9	Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo (Mỗi năm)	≥ 100	≥ 300	≥ 700	≥ 1.200	≥ 1.800
10	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển các với viện/trường	$\geq 10\%$	$\geq 25\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$
11	Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận	≥ 100	Trung bình mỗi năm ≥ 150	Mỗi năm ≥ 200	Mỗi năm ≥ 220	Mỗi năm ≥ 250
12	Trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm thu hút đầu tư	-	-	-	Có 15 - 20 trung tâm	-
5) Phát triển chuyển đổi số						
1	Chỉ số chuyển đổi số cấp thành phố	$\geq 0,60$	$\geq 0,75$	$\geq 0,85$	$\geq 0,92$	Đạt 1,0

2	Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	$\geq 70\%$	100%	-	-	-
3	Tỷ lệ TTHC liên quan đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh thực hiện trực tuyến	100%	100%	-	-	-
4	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	$\geq 70\%$	100%	-	-	-
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	$\geq 70\%$	100%	-	-	-
6	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%
7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	100%

8	Tỷ lệ hệ thống thông tin Thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	$\geq 40\%$	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	100%	100%
9	Tỷ lệ CSDL Thành phố được số hóa và liên thông với Trung ương	$\geq 50\%$	$\geq 80\%$	100%	100%	100%
10	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trục/nền tảng chia sẻ dữ liệu	$\geq 60\%$ tích hợp với trục liên thông dữ liệu Thành phố	$\geq 85\%$ tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	100% tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	100% tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	100% tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP
11	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	$\geq 30\%$	$\geq 60\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%
12	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VneID)	$\geq 50\%$	$\geq 80\%$ (từ 14 tuổi trở lên)	$\geq 95\%$	100%	100%
13	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	-	$\geq 10\%$	Đạt 20%	Đạt 30%	Đạt 40%

14	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	$\geq 60\%$	$\geq 90\%$	100%	100%	100%
15	Quy mô kinh tế số trên GRDP	Đạt $\geq 15\%$	Đạt $\geq 30\%$	Đạt 40%	Đạt 45%	Đạt 50%
16	Ứng dụng thương mại điện tử	Đẩy mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh
17	Trung tâm điều hành thông minh cấp thành phố	-	-	Xây dựng các trung tâm điều hành thông minh cấp thành phố đóng vai trò như “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.	Các Trung tâm điều hành thông minh thành phố <u>thực sự</u> đóng vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi	Duy trì/nâng cấp trung tâm điều hành thông minh cấp thành phố đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.

					trường và dịch vụ công	
18	Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng	-	Cơ quan đảng hoàn thành tốt mục tiêu Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng	-	-	-
19	Phát triển đô thị thông minh	-	Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử	Hình thành cụm chuyên gia công nghệ		- Vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh; - Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

20	Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội	-	-	-	-	Đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích
21	Hội nhập quốc tế về công nghệ, du lịch	-	-	-	-	Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, du lịch

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, tốc độ và sự bứt phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia còn chậm; quy mô, tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển; nhận thức của nhiều cấp, nhiều ngành, cán bộ, công chức và Nhân dân về chuyển đổi số chưa đầy đủ và sâu sắc; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi; thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức.

Đất nước ta đang đứng trước yêu cầu cần có chủ trương, quyết sách mạnh mẽ, mang tính chiến lược và cách mạng để tạo xung lực mới, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, để đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, hùng cường, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Từ tình hình trên, Bộ Chính trị yêu cầu quán triệt thực hiện tốt các nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là *đột phá* quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức

quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

3. Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy "không quản được thì cấm". Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc "hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí"; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

4. Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế.

5. Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II- MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh

nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực khoa học, công nghệ đạt trình độ quốc tế. Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghệ công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế. Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu đạt tối thiểu 50%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; có từ 40 - 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn quốc. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh đối với các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện. Thu hút thêm ít nhất 3 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

- Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành

sàn giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp uỷ các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Có chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Triển khai sâu rộng phong trào "*học tập số*", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

quốc gia. Mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Tập trung triển khai tốt các nội dung sau:

- Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan. Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

- Thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển các viện nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. Đầu tư, nâng cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cùng các cơ sở nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia. Sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động không hiệu quả. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức,

cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp. Có cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia. Ngân sách chỉ cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra. Có cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược (ưu tiên các lĩnh vực quốc phòng, không gian, năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá...); có cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược. Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược; ban hành cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.

- Ban hành các chiến lược nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác, phát triển không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp

an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Có cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn quốc, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; thu hút doanh nghiệp nước ngoài đặt trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tại Việt Nam. Hình thành hạ tầng lưu trữ, tính toán đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh. Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu vùng. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Có cơ chế, chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn có chủ quyền của Việt Nam. Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Có cơ chế, chính sách hấp dẫn về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên giỏi theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao về Việt Nam làm việc, sinh sống. Có cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các "tổng công trình sư" trong và ngoài nước có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ

trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

- Xây dựng một số trường, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo. Có cơ chế đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo nhân lực công nghệ số. Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín của nước ngoài; đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng nền tảng số dùng chung quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Có chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Phát triển một số mạng xã hội Việt Nam, xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh. Phát triển văn hoá số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia. Hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao

trong hoạt động quốc phòng, an ninh. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

- Có chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong nước quy mô lớn để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới bảo đảm an toàn và cùng có lợi. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thoả thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Ban. Thành lập Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường giám sát thực hiện theo quy định.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết; phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện, cơ bản hoàn thành trong năm 2025.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn tăng cường tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết.

6. Văn phòng Trung ương Đảng phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết; định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo Trung ương và Bộ Chính trị để chỉ đạo.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Các ban đảng, cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Tô Lâm